

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM  
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC  
VỪA LÀM VỪA HỌC ĐỢT 1 NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾT QUẢ CHẤM THI MÔN TOÁN**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 1516/QĐ-ĐHSP ngày 29/10/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHDN)*

**Ngày thi: 24/10/2026 (buổi chiều)**

| STT | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Dân tộc | Ngành dự thi | Điểm số | Điểm chữ         | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|------------|-----------|-----------|---------|--------------|---------|------------------|---------|
| 1   | 26.VLVH.003 | NGUYỄN THỊ MAI ANH    | 19/07/2008 | Kon Tum   | Nữ        | Kinh    | GDMN         | 8.50    | Tám phẩy năm     |         |
| 2   | 26.VLVH.043 | HUỖNH THỊ ÁNH TUYẾT   | 05/04/2008 | Đà Nẵng   | Nữ        | Kinh    | GDMN         | 5.00    | Năm chẵn         |         |
| 3   | 26.VLVH.051 | TRƯỜNG THỊ MINH CHÂU  | 23/03/1988 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 7.50    | Bảy phẩy năm     |         |
| 4   | 26.VLVH.052 | NGUYỄN NGỌC ÁNH DƯƠNG | 13/02/2008 | Đà Nẵng   | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 6.00    | Sáu chẵn         |         |
| 5   | 26.VLVH.053 | PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG   | 02/05/2008 | Đà Nẵng   | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 6.00    | Sáu chẵn         |         |
| 6   | 26.VLVH.054 | VÕ THỊ ÁNH DƯƠNG      | 07/09/2008 | Đà Nẵng   | Nữ        | Kinh    | GDTH, GDMN   | 8.00    | Tám chẵn         |         |
| 7   | 26.VLVH.055 | HÀ GIA HÂN            | 03/12/2008 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 5.50    | Năm phẩy năm     |         |
| 8   | 26.VLVH.056 | NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH  | 03/12/2008 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 7.75    | Bảy phẩy bảy lăm |         |
| 9   | 26.VLVH.057 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAM | 19/04/2008 | Đà Nẵng   | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 8.25    | Tám phẩy hai lăm |         |
| 10  | 26.VLVH.058 | HÀ THÚY LINH          | 28/01/2004 | Đà Nẵng   | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 6.00    | Sáu chẵn         |         |
| 11  | 26.VLVH.059 | NGUYỄN NGÔ THỊ NI NA  | 06/07/2003 | Đà Nẵng   | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 6.50    | Sáu phẩy năm     |         |
| 12  | 26.VLVH.060 | TRẦN LÊ THẢO NGUYỄN   | 04/02/2008 | Đà Nẵng   | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 8.25    | Tám phẩy hai lăm |         |
| 13  | 26.VLVH.061 | LÊ THỊ QUỲNH NHƯ      | 13/12/2008 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 7.00    | Bảy chẵn         |         |
| 14  | 26.VLVH.062 | PHAN THỊ LAN PHỤNG    | 01/12/2000 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 3.75    | Ba phẩy bảy lăm  |         |
| 15  | 26.VLVH.063 | TRẦN THỊ SIM          | 14/03/1999 | Nam Định  | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 8.50    | Tám phẩy năm     |         |
| 16  | 26.VLVH.064 | NGUYỄN BẢO ANH THU    | 18/11/2007 | Đà Nẵng   | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 8.00    | Tám chẵn         |         |
| 17  | 26.VLVH.065 | VÕ THỊ NGỌC TRÂM      | 13/02/2008 | Đà Nẵng   | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 8.00    | Tám chẵn         |         |
| 18  | 26.VLVH.066 | LÊ NỮ QUỲNH TRANG     | 25/07/2007 | Quảng Trị | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 7.25    | Bảy phẩy hai lăm |         |

| STT | Số báo danh | Họ và tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Ngành dự thi | Điểm số | Điểm chữ         | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------------|------------|------------|-----------|---------|--------------|---------|------------------|---------|
| 19  | 26.VLVH.067 | NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRANG | 04/09/1995 | Đà Nẵng    | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 8.50    | Tám phẩy năm     |         |
| 20  | 26.VLVH.068 | NGUYỄN THỊ THÙY TRANG   | 25/01/2008 | Đà Nẵng    | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 6.00    | Sáu chẵn         |         |
| 21  | 26.VLVH.069 | TRẦN THỊ MỸ TRANG       | 21/05/2001 | Bình Định  | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 5.50    | Năm phẩy năm     |         |
| 22  | 26.VLVH.070 | LÊ ĐÌNH QUANG TRUNG     | 07/03/2008 | Đà Nẵng    | Nam       | Kinh    | GDTH         | 6.50    | Sáu phẩy năm     |         |
| 23  | 26.VLVH.071 | NGUYỄN THỊ CẨM VÂN      | 18/11/2001 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 8.25    | Tám phẩy hai lăm |         |
| 24  | 26.VLVH.072 | TRẦN NGUYỄN MAI VÂN     | 28/10/2008 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 6.75    | Sáu phẩy bảy lăm |         |
| 25  | 26.VLVH.073 | KIÊN ĐIỆP ANH           | 01/09/2000 | Trà Vinh   | Nữ        | Khơ me  | GDTH         | 5.00    | Năm chẵn         |         |
| 26  | 26.VLVH.074 | PHÙNG THỊ HỒNG GIANG    | 10/06/2002 | Đà Nẵng    | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 5.50    | Năm phẩy năm     |         |
| 27  | 26.VLVH.078 | PHAN VÕ LAN VI          | 22/01/2005 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | GDTH         | 5.50    | Năm phẩy năm     |         |

**Tổng số: 27 thí sinh**

**Số thí sinh chính thức dự thi: 27 thí sinh**

**Số thí sinh vắng thi: 0 thí sinh**